

Bản án số: 18/2018/DS - ST

Ngày: 15 - 10 - 2018

V/v Tranh chấp liên quan đến yêu cầu
tuyên bố văn bản Công chứng vô hiệu.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà **Đặng Thị Bích Loan**

- *Cock Hội thẩm nhân dân:* Bà **Trần Thị Thanh**

Ông Đặng Hữu Tình.

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Hoàng Thị Hải Uyên** - Thư ký Toà nhân dân huyện PT
huyện PT, Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên
toà:* Ông **Nguyễn Văn Thùy** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà
Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2018/TLST- DS ngày 20
tháng 6 năm 2018 về việc tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu theo Quyết định đưa vụ
án ra xét xử số: 22/2018/QĐXX-ST ngày 25 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Phúc C**, sinh năm 1957; có mặt.

Địa chỉ: Tổ 9, phường YH, quận CG, Thành phố Hà Nội

+ Người được ủy quyền: Bà **Ngô Kim L**, sinh năm 1967; có mặt.

Địa chỉ: Tổ 37, phường TH, quận CG, Thành phố Hà Nội

- *Bị đơn:* **Văn phòng Công chứng Q**

Địa chỉ: Cụm 12, xã TG, huyện PT, Thành phố Hà Nội

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đỗ Quốc D**, Chức vụ: Trưởng Văn phòng
Công chứng Q.

+ Người được ủy quyền: Ông **Nguyễn Kim H**; Công chứng viên, Văn phòng
Công chứng Q; Theo văn bản ủy quyền ngày 06/7/2018; ông **Hiếu** có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Kiều Thị Kim C, sinh năm 1963

Địa chỉ: Số 3, ngõ 44, đường Phú Nhi, phường PT, Thị xã ST, Thành phố Hà Nội; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1954

Địa chỉ: Tổ 9, phường YH, quận CG, Thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Phúc C trình bày: Ông cùng vợ là bà Nguyễn Thị Q đang ở trên đất nhà tại phường YH, quận CG, Thành phố Hà Nội. Nguồn gốc thửa đất này là của ông cha cho ông nên ngày 15/8/2015 được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 256-2, tờ bản đồ số 02, địa chỉ tổ 20, phường YH, quận CG, Thành phố Hà Nội đứng tên chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Phúc C. Đến đầu năm 2018 ông được biết đất nhà này thuộc tài sản thế chấp trong một vụ án đối với Ngân hàng, lúc đó ông mới biết có Hợp đồng ủy quyền giữa ông và bà Nguyễn Thị Q.

Tại Hợp đồng ủy quyền số 202.2016/HĐUQ- QD ngày 07/3/2016 của Văn phòng Công chứng Q do công chứng viên Kiều Thị Kim C đã chứng nhận vào Hợp đồng ủy quyền giữa ông là người ủy quyền và bà Nguyễn Thị Q là người được ủy quyền với những nội dung như sau:

- Quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất số 256-2, tờ bản đồ số 02, tại địa chỉ tổ 20, phường YH, quận CG, Thành phố Hà Nội được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông là Nguyễn Phúc C.

- Được ký kết các Hợp đồng điện, nước điện thoại,... tại địa chỉ nói trên;

- Được liên hệ với các Cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục để được cấp phép xây dựng, tiến hành xây dựng và đăng ký nhà xây mới trên đất khi được phép tại địa chỉ nói trên;

- Được cho thuê, chuyển nhượng, tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận nói trên; Thế chấp để vay vốn hoặc thế chấp để bảo lãnh cho bên thứ ba vay vốn với các điều kiện do Bên B toàn quyền quyết định.

- Được quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền sử dụng đất nêu trên.

Theo hợp đồng ủy quyền này thì bà Q được toàn quyền quản lý, sử dụng, cho thuê, chuyển nhượng, tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất thửa số 256-2, tờ bản đồ số 02, tại tổ 20, phường YH, quận CG, Thành phố Hà Nội. Như vậy, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Tại Hợp đồng ủy quyền này có chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của ông, nhưng ông không ký và không điền chỉ vào hợp đồng ủy quyền này, bởi vì ông không ủy quyền cho bà Q như nội dung ghi trong Hợp đồng ủy quyền. Vì vậy, ông khẳng định chữ ký, chữ viết và dấu vân tay tại Hợp đồng ủy quyền số 202.2016/HĐUQ-QD ngày 07/3/2016 của Văn phòng Công chứng Q do công chứng viên Kiều Thị Kim C đã chứng

nhận, không phải là chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của ông. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội tuyên bố Hợp đồng ủy quyền số 202.2016/HĐUQ- QD ngày 07/3/2016 của Văn phòng Công chứng Q vô hiệu. Ngoài ra ông không yêu cầu Tòa án giải quyết gì khác. Ông đã được nghe Tòa án giải thích về hậu quả pháp lý của việc tuyên bố Hợp đồng ủy quyền vô hiệu, nhưng trong vụ án này ông không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của việc tuyên bố Hợp đồng vô hiệu.

- Bị đơn: Đại diện Văn phòng Công chứng Q, ông Nguyễn Kim H trình bày:

Kiểm tra bộ phận lưu trữ thấy hồ sơ Hợp đồng ủy quyền số 202.2016/HĐUQ- QD ngày 07/3/2016 do Công chứng viên là Kiều Thị Kim C thực hiện giữa bên ủy quyền là ông Nguyễn Phúc C, sinh năm 1957 và bên được ủy quyền là bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1954. Hồ sơ được lưu trữ đầy đủ và thực hiện đúng quy định về việc công chứng hợp đồng theo quy định của Luật Công chứng. Đánh giá hợp đồng ủy quyền trong hồ sơ lưu chữ thấy: Căn cứ và phạm vi ủy quyền đều phù hợp với quy định.

Về quy trình công chứng đối với các hợp đồng tại văn phòng, thì công chứng viên sẽ tiếp khách đến yêu cầu công chứng, tư vấn, hướng dẫn khách hoàn thiện hồ sơ, khi hồ sơ đủ điều kiện công chứng thì chuyển bộ phận soạn thảo văn bản công chứng, soạn thảo xong công chứng viên đề nghị các bên trong hợp đồng đọc lại đồng thời công chứng viên giải thích những thắc mắc của các các bên, các bên không có ý kiến gì khác thì ký vào từng trang văn bản công chứng trước mặt công chứng viên, công chứng viên kiểm tra lại hợp đồng, chữ ký các bên, lấy dấu vân tay để đối chiếu nếu thấy cần thiết sau đó công chứng viên ký vào từng trang hợp đồng, cùng lời chứng trước khi phát hành.

Với quy trình như vậy Công chứng viên hoàn toàn chủ động trong công việc của mình và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với Văn bản Công chứng do mình ký và phát hành.

Đối với Hợp đồng ủy quyền số 202.2016/HĐUQ- QD ngày 07/3/2016 do Công chứng viên Kiều Thị Kim C, công chứng viên hiện làm việc tại Văn phòng Công chứng Q chứng nhận được thực hiện ngoài trụ sở văn phòng (theo yêu cầu của các bên) cụ thể Văn bản công chứng được các bên ký tại nhà riêng ông Nguyễn Phúc C và vợ là bà Nguyễn Thị Q ở tổ 9, phường YH, quận CG, Thành phố Hà Nội.

Nay ông Nguyễn Phúc C cho rằng không ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Q nên không ký tên, điểm chỉ tại Hợp đồng ủy quyền và đề nghị Tòa án tuyên Hợp đồng ủy quyền vô hiệu. Quan điểm của Văn phòng công chứng Q sự đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Q trình bày: Bà công nhận chữ ký, chữ viết và dấu vân tay dưới mục “Người được ủy quyền” tại Hợp đồng ủy quyền số 202.2016/HĐUQ-QD ngày 07/3/2016 của Văn phòng công chứng Q là của bà. Tuy nhiên, tại thời điểm mà bà ký thì bà không biết nội dung của Hợp đồng này và không biết đây là Hợp đồng ủy quyền. Bởi vì, trước đó bà gặp hai người phụ nữ tại số 39, ngõ 9, phố Hoàng Cầu, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, chứ không phải tại gia đình bà ở phường YH, quận CG, Thành phố Hà Nội. Bà không biết tên tuổi địa chỉ của hai người này, hôm đó một người lật từng trang và bảo bà ký tên, điểm chỉ chứ bà không được đọc nên không biết nội dung trong đó viết gì. Bà khẳng định khi ký thì chỉ có một mình bà không có ông Nguyễn Phúc C và bà cũng không thấy có ai khác. Các giấy tờ như: Giấy chứng minh thư nhân dân của bà

và của ông C kèm theo bản sao sổ hộ khẩu gia đình, bà đã dấu ông C để đưa cho chị T, mục đích nhờ chị T vay hộ tiền chứ không phải để làm Hợp đồng ủy quyền này. Vì vậy, ông C đề nghị Tòa án nhân dân huyện PT tuyên bố Hợp đồng ủy quyền giữa ông C và bà là vô hiệu, bà đồng ý. Ngoài ra, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết gì khác.

+ Bà Kiều Thị Kim C trình bày: Bà là Công chứng viên thuộc Văn phòng Công chứng Q; có trụ sở tại Cụm 12, xã Tích Giang, huyện PT, Thành phố Hà Nội.

Bà không quen biết ông Nguyễn Phúc C và bà Nguyễn Thị Q. Đến nay bà cũng không nhớ ai là người đã đến Văn phòng Công chứng yêu cầu làm Hợp đồng ủy quyền số 202.2016/HĐUQ-QD giữa ông Nguyễn Phúc C và bà Nguyễn Thị Q. Đối với hồ sơ hợp đồng ủy quyền này, bà là người tiếp nhận hồ sơ khách đến yêu cầu công chứng, tư vấn, hướng dẫn khách hoàn thiện hồ sơ. Sau khi hồ sơ đủ điều kiện công chứng thì bà chuyển bộ phận chuyên viên soạn thảo văn bản công chứng để kiểm tra và soạn thảo hợp đồng. Sau khi soạn thảo xong thì chuyển lại hồ sơ cho bà để kiểm tra lại một lần nữa, sau đó bà cũng là người trực tiếp cho khách hàng ký vào hợp đồng, trước khi ký hợp đồng khách hàng phải tự đọc toàn bộ nội dung trong hợp đồng để kiểm tra thông tin của khách hàng cũng như nội dung trong hợp đồng có đúng nội dung, nguyện vọng của hai bên không. Sau khi khách hàng kiểm tra, đồng ý với toàn bộ nội dung hợp đồng thì bà cho khách hàng ký vào từng trang của hợp đồng, trang cuối ký, ghi rõ họ tên và điểm chỉ.

Tại thời điểm ký hợp đồng, các bên xuất trình giấy tờ gốc để bà kiểm tra, đối chiếu. Sau khi hoàn tất các thủ tục, bà chuyển lại cho chuyên viên soạn thảo lời chứng, bà ký chứng thực hợp đồng và chuyển đến bộ phận văn phòng để đóng dấu và trả khách hàng.

Đối với Hợp đồng ủy quyền số 202.2016/HĐUQ-QD ngày 07/3/2016 được thực hiện theo đúng quy trình như trên. Bà là người ký chứng thực hợp đồng và chịu trách nhiệm đối với hợp đồng này.

Nay ông Nguyễn Phúc C yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu đối với Hợp đồng ủy quyền này, bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Phúc C là bà Ngô Kim L và ông Nguyễn Phúc C giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng ủy quyền số 202.2016/HĐUQ-QD ngày 07/3/2016 của Văn phòng Công chứng Q vô hiệu và không yêu cầu giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu, đồng thời không yêu cầu Tòa án giải quyết gì khác.

Bị đơn là Văn phòng Công chứng Q do ông Nguyễn Kim H được ủy quyền, tại phiên tòa cũng đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng ủy quyền số 202.2016/HĐUQ-QD ngày 07/3/2016 của Văn phòng Công chứng Q vô hiệu. Ông Hiếu không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng này, nhưng ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò trách nhiệm của bà Nguyễn Thị Q và bà Kiều Thị Kim C.

Tại phiên tòa bà Kiều Thị Kim C, bà Nguyễn Thị Q đều đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng ủy quyền số 202.2016/HĐUQ-QD ngày 07/3/2016 vô hiệu và không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng này. Bà Kiều Thị Kim C tự nhận thấy có lỗi trong việc công chứng hợp đồng ủy quyền này nên bà Chung tự nguyện nhận trách

nhiệm bồi thường trong trường hợp nếu ông Nguyễn Phúc C khởi kiện một vụ án khác và yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng mà có liên quan đến Hợp đồng ủy quyền này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội tại phiên toà phát biểu ý kiến về việc quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đều chấp hành quy định của pháp luật về tố tụng. Về nội dung, đề nghị áp dụng Điều 116, 117, 122 Bộ luật dân sự, Điều 52 Luật Công chứng 2014. Đề nghị tuyên: Chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện của ông Nguyễn Phúc C, tuyên bố văn bản công chứng là Hợp đồng ủy quyền số 202.2016/HĐUQ- QD ngày 07/3/2016 của Văn phòng Công chứng Q vô hiệu. Chấp nhận yêu cầu của các bên đương sự không yêu cầu giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc Văn phòng Công chứng Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Ông Nguyễn Phúc C khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản công chứng là Hợp đồng ủy quyền số 202.2016/HĐUQ- QD ngày 07/3/2016 đã được Văn phòng Công chứng Q do công chứng viên Kiều Thị Kim C chứng nhận là vô hiệu. Căn cứ vào Điều 52 Luật Công chứng năm 2014 thì ông Nguyễn Phúc C có quyền khởi kiện. Quá trình giải quyết tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của Văn phòng Công chứng Q cũng như bà Kiều Thị Kim C đều xác định Hợp đồng ủy quyền số 202.2016/HĐUQ- QD ngày 07/3/2016 được thực hiện theo đúng quy trình pháp luật quy định. Vì vậy, xác định đây là vụ án về tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu. Căn cứ vào khoản 11 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện PT thụ lý đơn khởi kiện của ông Nguyễn Phúc C theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phúc C, Hội đồng xét xử thấy: Tại Hợp đồng ủy quyền số 202.2016/HĐUQ-QD ngày 07/3/2016 giữa bên ủy quyền là ông Nguyễn Phúc C và bên được ủy quyền là bà Nguyễn Thị Q, của Văn phòng Công chứng Q do công chứng viên Kiều Thị Kim C chứng nhận, số công chứng 202.2016/HĐUQ, quyển số 01- TP/CC-SCC/HĐGD. Tại hợp đồng này có chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của ông Nguyễn Phúc C và bà Nguyễn Thị Q. Tuy nhiên, ông Nguyễn Phúc C không công nhận chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của ông tại Hợp đồng này nên trong quá trình giải quyết vụ án, ông C yêu cầu được giám định chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của ông tại Hợp đồng ủy quyền. Vì vậy, Tòa án đã quyết định trưng cầu

giám định chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của ông Nguyễn Phúc C tại Hợp đồng ủy quyền số 202.2016/HĐUQ-QD ngày 07/3/2016.

Tại Kết luận giám định số 259/KLGD- PC09 ngày 31/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội, kết luận:

+ Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Phúc C dưới chữ ký trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A) với chữ ký, chữ viết Nguyễn Phúc C trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M5) không phải là chữ do cùng một người ký và viết ra.

+ Dấu in đường vân tay bên trái chữ viết Nguyễn Phúc C dưới mục Bên ủy quyền (Bên A) trên trang 2 Hợp đồng ủy quyền số 202.2016/HĐUQ- QD; quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng Q chứng nhận ngày 07/3/2016 gửi giám định và các dấu vân tay trên Biên bản thu mẫu dấu vân tay lập ngày 27/8/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT về việc thu mẫu dấu vân tay của ông Nguyễn Phúc C gửi làm mẫu so sánh không phải là của cùng một người.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Q khai: Một mình bà ký tên tại dưới mục Bên được ủy quyền tại hợp đồng ủy quyền, còn ai ký tên Nguyễn Phúc C dưới mục Bên ủy quyền thì bà không biết.

Bà Kiều Thị Kim C khai: “Tại thời điểm tôi cho khách hàng ký hồ sơ do sơ xuất không đối chiếu kỹ giữa người ký tên tại Hợp đồng với giấy chứng minh thư nhân dân nên có thể do tôi nhầm lẫn, đến nay tôi cũng không biết ai là người đã ký tên và điểm chỉ dưới mục Bên ủy quyền”. Vì vậy không có cơ sở điều tra xác minh làm rõ ai đã ký thay ông Nguyễn Phúc C tại Hợp đồng ủy quyền.

Theo Điều 48 Luật công chứng 2014 quy định về thủ tục công chứng: “Người yêu cầu công chứng, người làm chứng, người phiên dịch phải ký vào hợp đồng, giao dịch trước mặt công chứng viên”. Đối chiếu với quy định này thì ông Nguyễn Phúc C không ký hợp đồng ủy quyền và mặc dù công chứng viên là bà Kiều Thị Kim C không chứng kiến ông Nguyễn Phúc C ký vào hợp đồng ủy quyền nhưng vẫn công chứng hợp đồng ủy quyền số 202.2016/HĐUQ-QD ngày 07/3/2016 giữa ông Nguyễn Phúc C và bà Nguyễn Thị Q là vi phạm nguyên tắc đạo đức hành nghề công chứng, cũng như vi phạm nghĩa vụ đối với công chứng viên, được quy định tại Điều 4, Điều 17 Luật Công chứng 2014. Vì vậy, lỗi dẫn đến việc văn bản công chứng vô hiệu là do bà Kiều Thị Kim C, Công chứng viên Văn phòng Công chứng Q.

Như vậy, xét về mặt hình thức và nội dung của Hợp đồng ủy quyền số 202.2016/HĐUQ-QD lập ngày 07/3/2016 của Văn phòng Công chứng Q do công chứng viên Kiều Thị Kim C chứng nhận là hợp đồng giả tạo, trái quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phúc C.

Đối với bà Nguyễn Thị Q, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Q không có tài liệu, chứng cứ, chứng minh về việc bà cung cấp giấy tờ cho chị T để

vay tiền chứ không phải để làm Hợp đồng ủy quyền nên bà không biết gì về hợp đồng ủy quyền là không có cơ sở. Bởi vì, bà Q công nhận chữ ký, chữ viết và dấu vân tay trên hợp đồng ủy quyền là của bà và tại thời điểm bà ký hợp đồng ủy quyền thì bà Q là người có năng lực hành vi dân sự. Như vậy, mặc dù bà Q biết rõ ông C không ủy quyền cho bà như nội dung ghi trong hợp đồng ủy quyền nhưng bà Q vẫn cung cấp các giấy tờ liên quan và ký hợp đồng ủy quyền để hoàn thiện hồ sơ làm thủ tục công chứng, nên xác định bà Q cũng có một phần lỗi.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Phúc C không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu, nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm đối với bà Kiều Thị Kim C cũng như Văn phòng Công chứng Q và bà Nguyễn Thị Q.

Đối với đề nghị của Văn phòng Công chứng Q ở tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là Văn phòng Công chứng Q không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập gì. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị xem xét vai trò của Công chứng viên Kiều Thị Kim C và của bà Nguyễn Thị Q đối với Hợp đồng ủy quyền số 202.2016/HĐUQ-QD. Như đã phân tích ở trên, do nguyên đơn là ông Nguyễn Phúc C không yêu cầu giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp nếu ông Nguyễn Phúc C yêu cầu giải quyết thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa ông Nguyễn Phúc C tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét yêu cầu của ông C là tự nguyện và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phúc C về tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu.

Về án phí: Văn phòng Công chứng Q phải chi án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 127, 129, 134 của Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 4, Điều 17, Điều 48, Điều 52 Luật Công chứng 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phúc C

2. Tuyên bố Hợp đồng ủy quyền số 202.2016/HĐUQ-QĐ ngày 07/3/2016 giữa ông Nguyễn Phúc C và bà Nguyễn Thị Q, được công chứng số 202.2016/HĐUQ, quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng Công chứng Q vô hiệu.

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Phúc C chịu toàn bộ tiền chi phí giám định.

+ Về án phí: Văn phòng Công chứng Q phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại ông Nguyễn Phúc C số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005288 ngày 20/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PT, thành phố Hà Nội.

Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện PT;
- CCTHADS huyện PT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Bích Loan

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện PT;
- CCTHADS huyện PT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Bích Loan

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện PT;
- CCTHADS huyện PT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Bích Loan